

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2022
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Sỹ Thái và ông Trần Văn Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo-Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-DS ngày 06/7/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: số nhà 14, đường T, phường Q, thành phố H, tỉnh H.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 và bà Phan Thị H, sinh năm 1976-Có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Cao Xá II, phường L, thành phố H, tỉnh H.

Ông Nguyễn Thế B, sinh năm 1962-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bày:

Do quen biết với chị Nguyễn Thị Vân A qua ông Nguyễn Văn T em họ chồng bà L nên bà L đã nhiều lần cho chị Vân A vay tiền để chị Vân A làm ăn, thời gian bắt đầu từ tháng 12 năm 2017. Bà L không nhớ cụ thể được các lần cho vay do thời gian đã lâu nhưng có một lần bà L trực tiếp đưa chị Vân A 100.000.000 đồng tại nhà bà L, hôm đó ông T dẫn Vân A đến, các lần cho vay sau bà L gửi qua ngân hàng vào tài khoản của chị Vân A. Tổng số tiền chị Vân A đã vay của bà L là 1.249.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền, chị Vân A vẫn tiếp tục hỏi vay tiền để giải quyết công việc nên bà L nghi ngờ chị Vân A lừa đảo. Bà L yêu cầu chị Vân A trả số tiền chị Vân A đã vay thì chị Vân A đã tìm hết lý do nợ lý do kia rồi không trả nợ cho bà L. Bà L đã tố cáo hành vi của chị Vân A ra Công an tỉnh Hưng Yên, Công an tỉnh Hưng Yên mời bà L và chị Vân A đến làm việc. Ngày 30/12/2019, tại Công an tỉnh Hưng Yên, chị Vân A đã viết giấy nhận nợ của cả ông T và bà L là 6.041.000.000 đồng. Việc viết giấy nhận nợ này là do chị Vân A tự viết, trên cơ sở đối chiếu các chứng từ bà L đã gửi tiền vào tài khoản của chị Vân A và Giấy nhận nợ trước đây. Trong số nợ chị Vân A viết biên nhận ngày 30/12/2019 thì số tiền chị Vân A nợ bà L là 1.249.000.000 đồng, nợ vợ chồng ông T là 4.792.000.000 đồng. Giấy biên nhận này có một bản do ông T giữ.

Kết quả giải quyết tố cáo, Công an tỉnh Hưng Yên đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, bà L có khiếu nại, Công an tỉnh Hưng Yên đã trả lời khiếu nại của bà L và vẫn khẳng định đây là vụ việc dân sự nên không khởi tố vụ án hình sự. Bà L nhất trí với kết quả giải quyết của Công an tỉnh Hưng Yên và cam đoan không khiếu nại nữa, đồng thời khởi kiện tới Tòa án yêu cầu chị Vân A phải trả nợ cho bà L toàn bộ số tiền chị Vân A đã vay thể hiện theo Giấy nhận nợ ngày 30/12/2019 chị Vân A đã viết là 1.249.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu đồng chẵn), bà L không yêu cầu chị Vân A phải trả tiền lãi của số tiền này.

Ngoài ra bà L không còn yêu cầu gì khác.

Chị Vân A trình bày:

Do cần vốn để làm ăn nên từ năm 2017, thông qua ông Nguyễn Văn T, chị Vân A quen bà Trần Thị Kim L và đã vay của bà L rất nhiều lần, trong đó trực tiếp bà L giao tiền cho chị một lần là 100.000.000 đồng, việc giao này chị có viết giấy biên nhận nhưng không nhớ ngày tháng năm nào, giấy bà L giữ, còn lại là bà L chuyển tiền qua ngân hàng vào tài khoản của chị Vân A. Sau khi vay tiền, do công việc làm ăn của chị không được thuận lợi nên chị chưa trả được số nợ cho bà L. Đến ngày 30/12/2019, khi ông T, bà L có đơn ra cơ quan công an, tại Công an tỉnh Hưng Yên, chị Vân A đã viết giấy nhận nợ của cả ông T và bà L là 6.041.000.000 đồng. Việc viết giấy nhận nợ này là chị Vân A tự viết, trên số nợ thực tế đã vay của bà L, ông T chứ không bị ép buộc gì. Trong số nợ chị Vân A viết biên nhận ngày 30/12/2019 thì số nợ của bà L là 1.249.000.000 đồng, của ông T là 4.792.000.000 đồng. Giấy biên nhận này bà L, ông T giữ.

Về yêu cầu khởi kiện của bà L, chị Vân A có quan điểm:

Chị Vân A xác định việc vay tiền của bà L là cá nhân chị Vân A vay chứ không liên quan gì đến bố, mẹ chị hay ai khác. Cho đến nay chị Vân A thừa

nhận vắn nợ bà L số tiền nợ gốc là 1.249.000.000 đồng. Chị Vân A chấp nhận trả bà L toàn bộ số nợ gốc này và xin bà L cho chị toàn bộ số tiền lãi. Do chị đang khó khăn nên chị sẽ có trách nhiệm trả dần cho bà L toàn bộ số nợ gốc là 1.249.000.000 đồng. Chị Vân A đã được Tòa án cho xem các giấy nộp tiền vào tài khoản của bà L gửi cho chị Vân A và Giấy nhận nợ ngày 30/12/2019 mà bà L đã cung cấp cho Tòa án, chị Vân A khẳng định Giấy nhận nợ ngày 30/12/2019 đúng là chữ viết, chữ ký của chị Vân A, các giấy nộp tiền bà L nộp tiền vào tài khoản của chị Vân A là chuyển vào tài khoản của chị Vân A để chị Vân A vay.

Do chị Vân A đang nuôi con nhỏ và không có người trông cháu, mặt khác chị và bà L không thể hòa giải với nhau được nữa nên chị Vân A đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị Vân A.

Ông Nguyễn Thế B là bố chị Vân A trình bày: Ông B với bà Trần Thị Kim L không có quan hệ và không có mâu thuẫn gì, ông B cũng không biết bà L. Việc chị Vân A vay tiền của bà L là quan hệ giữa chị Vân A với bà L chứ không liên quan gì đến ông. Ông B cũng không biết chị Vân A vay mượn của bà L như thế nào, không liên quan gì đến nợ nần của chị Vân A. Ông B cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì đồng thời đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông B.

Ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị H trình bày:

Do ông T làm nghề chở xe thuê nên nhiều lần chị Nguyễn Thị Vân A, bố đẻ chị Vân A đã thuê ông T chở đi lại. Chị Vân A nói là cần vay tiền để làm ăn nên vợ chồng ông đã nhiều lần cho chị Vân A vay tiền để chị Vân A làm ăn, thời gian bắt đầu từ tháng 5 năm 2016. Tổng số tiền chị Vân A đã vay của ông T, bà H là 4.792.000.000 đồng.

Đến tháng 2/2018, do nghi ngờ chị Vân A lừa đảo nên ông T, bà H yêu cầu chị Vân A trả nợ. Công an tỉnh Hưng Yên đã mời các bên đến làm việc. Ngày 30/12/2019, tại Công an tỉnh Hưng Yên, chị Vân A đã viết giấy nhận nợ của cả bà Trần Thị Kim L và ông T, bà H là 6.041.000.000 đồng. Việc viết giấy nhận nợ này tại Công an tỉnh Hưng Yên là do chị Vân A tự viết, trên cơ sở đối chiếu các chứng từ ông T, bà H, bà L đã cho chị Vân A vay. Trong số nợ chị Vân A viết biên nhận ngày 30/12/2019 thì số tiền chị Vân A nợ bà L là 1.249.000.000 đồng, của ông T, bà H là 4.792.000.000 đồng. Giấy biên nhận này có một bản do ông T giữ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị Vân A trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.249.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Bị đơn, ông B đề nghị xét xử vắng mặt. Ông T, bà H xác định trong số nợ 6.041.000.000 đồng chị Vân A viết nhận nợ ngày 30/12/2019 tại công an tỉnh Hưng Yên thì số nợ của bà L là 1.249.000.000 đồng, số nợ của ông T, bà H là 4.792.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp

hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Chị Vân A, ông B có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt chị Vân A, ông B theo Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Thị Vân A phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 1.249.000.000 đồng.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án:

Do cần tiền để làm ăn nên từ tháng 12 năm 2017, chị Nguyễn Thị Vân A đã nhiều lần vay tiền của bà Trần Thị Kim L. Đến ngày 30/12/2019, tại Công an tỉnh Hưng Yên, hai bên đã đối chiếu số tiền nợ, chị Vân A đã viết giấy nhận nợ của cả bà Trần Thị Kim L và ông T, bà H là 6.041.000.000 đồng. Việc viết giấy nhận nợ này là do chị Vân A tự viết, trên cơ sở đối chiếu các chứng từ bà L, ông T, bà H đã cho chị Vân A vay. Trong số nợ chị Vân A viết biên nhận ngày 30/12/2019 thì số tiền chị Vân A nợ bà L là 1.249.000.000 đồng, của ông T, bà H là 4.792.000.000 đồng. Chị Vân A khẳng định vay bà Trần Thị Kim L số tiền là 1.249.000.000 đồng, thể hiện theo Giấy biên nhận nợ chị viết ngày 30/12/2019. Chị Vân A chấp nhận trả bà L toàn bộ số nợ gốc là 1.249.000.000 đồng này nhưng xin được trả dần. Chị Vân A, ông B khẳng định số tiền nợ bà L là nợ của chị Vân A chứ không liên quan đến ông B. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà L, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng và các chứng cứ khác thì có căn cứ xác định đây là quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp vay tài sản” mà người khởi kiện là bà L, người bị kiện là chị Vân A. Ông B, ông T, bà H là người làm chứng.

Chị Vân A, ông B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ các chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử nhận định: Cả nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đều trình bày bà L đã cho chị Vân A vay số tiền 1.249.000.000 đồng, thể hiện theo Giấy biên nhận nợ chị Vân A viết ngày 30/12/2019. Chị Vân A thừa nhận còn nợ bà L số tiền 1.249.000.000 đồng và chấp nhận trả bà L số tiền này. Do vậy xác định chị Vân A là người vay tiền của bà L và còn nợ bà L số tiền 1.249.000.000 đồng.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Từ những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng có căn cứ khẳng định: Bà L cho chị Vân A vay số tiền là 1.249.000.000 đồng, thể hiện theo Giấy biên nhận nợ chị viết ngày 30/12/2019. Cho đến nay chị Vân A xác định còn nợ số tiền này và chấp nhận trả nợ cho nguyên đơn như vậy xác định số tiền nợ gốc chị Vân A còn nợ bà L là 1.249.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu đồng). Căn cứ các chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với chị Vân A là có căn cứ chấp nhận. Do vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.249.000.000 đồng.

[4]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ các quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L.

Buộc chị Nguyễn Thị Vân A phải trả cho bà Trần Thị Kim L toàn bộ số tiền là 1.249.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu 49.470.000 đồng (Bốn mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

Hoàn trả lại bà Trần Thị Kim L số tiền 24.735.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006138 ngày 04/7/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tuấn